

**ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44 /UBQLV-PCKS
V/v hướng dẫn triển khai thực hiện công
tác kiểm soát tài sản, thu nhập

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM

ĐẾN Số: 287
Ngày: 29/01/2021

Chuyển: CT HĐQT

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Thanh tra Chính phủ

Căn cứ Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm

2018 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ:

"Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, định hướng Chương trình đã được phê duyệt về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng".

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (dưới đây viết tắt là Ủy ban) kính đề nghị Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về trình tự, thủ tục, thời hạn triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu tại Ủy ban và các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu với một số nội dung cụ thể như sau:

Trần Ngọc Thuận

1. Về xác định Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

1.1. Người có nghĩa vụ kê khai lần đầu

Tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

"Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

1. Cán bộ, công chức.

2. Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.

3. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp...".

Tại khoản 1 điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

"Kê khai lần đầu được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

a) Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật này tại thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2019;

b) Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật này. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác”.

Căn cứ các quy định nêu trên, cán bộ, công chức thuộc Ủy ban và người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp thuộc Ủy ban hoạt động theo nhiều mô hình khác nhau bao gồm: Doanh nghiệp cấp 1 (doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ và công ty cổ phần nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ); các đơn vị trực thuộc công ty mẹ (được tổ chức dưới mô hình chi nhánh, văn phòng đại diện) và các doanh nghiệp cấp II, III. Đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn về cơ sở pháp lý xác định các đối tượng giữ chức vụ phó trưởng phòng và tương đương trở lên có nghĩa vụ kê khai tại các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp cấp 1 và các doanh nghiệp cấp II, III.

1.2. Người có nghĩa vụ kê khai hàng năm

Tại Khoản 3 điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

“Kê khai hằng năm được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

a) Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12;

b) Người không thuộc quy định tại điểm a khoản này làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12”.

Các Khoản 2 và 3 điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (dưới đây viết tắt là Nghị định số 130/2020/NĐ-CP) quy định:

“2. Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”.

Căn cứ các quy định nêu trên, các đối tượng có nghĩa vụ kê khai hàng năm bao gồm: Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, Luật và Nghị định chưa quy định thống nhất chung về việc phân cấp cán bộ lãnh đạo tại doanh nghiệp nhà nước nên việc xác định người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc, công ty con còn có vướng mắc. Đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn về một số nội dung cụ thể như sau:

- Cơ sở pháp lý xác định các đối tượng giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên tại doanh nghiệp nhà nước (bao gồm doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ) và các đơn vị trực thuộc, công ty con.

- Việc áp dụng của các quy định tại khoản 2 điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước.

- Theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp¹, “Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp” và “Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp” là hai đối tượng tại các mô hình doanh nghiệp khác nhau. Tuy nhiên, khoản 3 điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP chỉ quy định người có nghĩa vụ kê khai hàng năm là “Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp” dẫn đến khó khăn trong việc xác định đối tượng có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại các doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ.

¹ Khoản 6 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định: “Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước) là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên”.

Khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định: “Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp) là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm vào Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp”.

2. Về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của Người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước

Khoản 5 điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: “*Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý*”.

Khoản 1 điều 12 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP quy định: “*Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai bao gồm bản kê khai lần đầu, bản kê khai phục vụ việc bổ nhiệm và bản kê khai hàng năm hoặc bản kê khai bổ sung liên trước đó. Việc công khai được thực hiện bằng hình thức công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm*”.

Căn cứ các quy định nêu trên, bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước phải được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm hoặc cuộc họp của Hội đồng thành viên. Tuy nhiên, quy định hiện hành² chỉ quy định thực hiện quy trình bổ nhiệm 05 bước (trong đó có Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm) đối với một số chức danh quản lý doanh nghiệp (gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên/ công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng). Quy định pháp luật không quy định cụ thể việc tổ chức cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng doanh nghiệp nhà nước. Đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn về trách nhiệm, trình tự, hình thức thực hiện công khai đối với các trường hợp này.

3. Về công tác kiểm soát tài sản, thu nhập

Các khoản 1 và 3 điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

“1. Thanh tra Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai) thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

² Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

...

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này”.

Tại khoản 2 điều 15 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP quy định: “*Kế hoạch xác minh hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, Ủy ban có trách nhiệm kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tại Ủy ban³ và các doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban làm cơ quan đại diện chủ sở hữu⁴. Ngoài ra, hàng năm Ủy ban có trách nhiệm tiến hành xác minh tối thiểu 20% số tổ chức, đơn vị thuộc quyền kiểm soát.

Hiện nay, Ủy ban được giao làm cơ quan đại diện chủ sở hữu của 19 tập đoàn, tổng công ty với số lượng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập rất lớn. Tuy nhiên, Ủy ban là cơ quan mới thành lập với nguồn nhân sự thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác kiểm soát tài sản, thu nhập còn rất hạn chế về số lượng dẫn tới triển khai việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn. Đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, hướng dẫn về: (i) Trình tự, thủ tục và phạm vi xác minh tài sản, thu nhập; (ii) việc phân cấp kiểm soát tài sản, thu nhập giữa Ủy ban và các doanh nghiệp do Ủy ban làm cơ quan đại diện chủ sở hữu tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Về thời hạn thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu

Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ngày 21 tháng 10 năm 2019, Thanh tra Chính phủ có văn bản số 1870/TTCP-C.IV hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2019 sẽ được thực hiện khi Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập

³ Khoản 1 điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: “*Cán bộ, công chức”.*

⁴ Khoản 3 điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: “*Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”.*

ban hành và có hiệu lực pháp luật. Nghị định số 130/2020/NĐ-CP đã có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2020.

Tuy nhiên, Luật và Nghị định còn nhiều quy định chưa rõ ràng, thống nhất như đã nêu ở trên nên trong quá trình triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập tại Ủy ban và các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu gặp nhiều vướng mắc, khó khăn. Để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, Ủy ban kính đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn về trình tự, thủ tục và thời hạn triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu để bảo đảm công tác kiểm soát tài sản, thu nhập đúng đối tượng, trình tự, thời hạn theo quy định và thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBQLV: Lãnh đạo Ủy ban (để b/c); các đơn vị thuộc Ủy ban;
- Các tập đoàn, tổng công ty: HĐTV, BĐH, BKS/KSV;
- Lưu: VT, PCKS.

675

TL. CHỦ TỊCH
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ



Đặng Thu Thủy
Đặng Thu Thủy